

Số 40.....BCKT/TCTp. HCM, ngày 06 tháng 02 năm 2010**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần Cà phê PETEC****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cà phê PETEC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần Cà phê PETEC được lập ngày 20/01/2010 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 và Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 33.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện tiến hành một số thủ tục kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán  
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám Đốc****Kiểm toán viên****LÊ VĂN TUẤN**

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

**LÊ VĂN THẮNG**

Chứng chỉ KTV số: 0974/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132,674,170,064</b>	<b>97,511,344,137</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>22,816,064,990</b>	<b>4,485,432,338</b>
1	Tiền	111	V.01	22,816,064,990	4,485,432,338
2	Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65,662,473,632</b>	<b>68,501,659,131</b>
1	Phải thu khách hàng	131	V.02	44,764,092,587	52,136,653,302
2	Trả trước cho người bán	132	V.03	20,895,055,545	16,365,005,829
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Các khoản phải thu khác	135	V.04	3,325,500	
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>31,765,603,522</b>	<b>16,261,763,782</b>
1	Hàng tồn kho	141		31,765,603,522	16,261,763,782
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,430,027,920</b>	<b>8,262,488,886</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	137,721,110	52,226,061
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,882,650,237	7,634,379,284
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	409,656,573	575,883,541
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14,047,177,212</b>	<b>14,941,886,376</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4	Phải thu dài hạn khác	218			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5,122,734,812</b>	<b>6,017,443,976</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5,122,734,812	6,017,443,976
	- Nguyên giá	222		11,998,659,503	11,896,202,790
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,875,924,691)	(5,878,758,814)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	- Nguyên giá	<b>241</b>			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8,924,442,400</b>	<b>8,924,442,400</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	8,924,442,400	8,924,442,400
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261			
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>146,721,347,276</b>	<b>112,453,230,513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105,383,532,698</b>	<b>73,900,599,174</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105,383,532,698</b>	<b>73,900,599,174</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	76,502,900,000	37,330,000,000
2	Phải trả người bán	312	V.11	25,172,159,327	31,958,819,342
3	Người mua trả tiền trước	313	V.12	668,772,037	822,634,899
4	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	314	V.13	1,918,051,712	2,515,266,869
5	Phải trả người lao động	315		848,472,669	1,118,908,643
6	Chi phí phải trả	316	V.14	41,000,000	
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	232,176,953	154,969,421
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334			
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41,337,814,578</b>	<b>38,552,631,339</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>39,549,445,005</b>	<b>37,167,171,666</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,000,000,000	30,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ	414			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(258,852,713)	
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4,336,934,347	1,915,550,971
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		2,248,383,729	895,383,729
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,222,979,642	4,356,236,966
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1,788,369,573</b>	<b>1,385,459,673</b>
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1,788,369,573	1,385,459,673
2	Nguồn kinh phí	432			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>146,721,347,276</b>	<b>112,453,230,513</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá nhận gửi hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
- Dollar Mỹ (USD)			1,074,049.29	36,632.39
- Euro (EUR)			-	1,690.00
- Singapore dollar (SGD)			163.32	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	1,044,457,951,793	987,066,599,758
2	Các khoản giảm trừ	02	VI.18	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	1,044,457,951,793	987,066,599,758
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.20	1,038,252,842,218	966,014,360,387
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,205,109,575	21,052,239,371
6	Doanh thu tài chính	21	VI.21	31,192,829,217	18,278,028,534
7	Chi phí tài chính	22	VI.22	10,875,482,460	10,802,932,008
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1,865,105,928	2,470,330,739
8	Chi phí bán hàng	24		15,301,296,368	10,556,347,866
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,115,756,444	1,586,411,471
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9,105,403,520	16,384,576,560
11	Thu nhập khác	31	VI.23	1,899,045,188	664,961,392
12	Chi phí khác	32	VI.24	1,752,701,029	707,797,062
13	Lợi nhuận khác	40		146,344,159	(42,835,670)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,251,747,679	16,341,740,890
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	1,859,960,835	4,334,209,989
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,391,786,844	12,007,530,901
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2,464	4,003

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**Năm 2009**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu		Mã số	Năm nay	Năm trước
1		2	4	5
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9,251,747,679</b>	<b>16,341,740,890</b>
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
	- Khấu hao TSCĐ	02	997,165,877	861,932,513
	- Các khoản dự phòng	03		
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(172,029,389)	(983,507,771)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(837,168,092)	(1,443,211,013)
	- Chi phí lãi vay	06	1,865,105,928	2,470,330,739
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>11,104,822,003</b>	<b>17,247,285,358</b>
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1,399,183,774)	(16,690,454,362)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15,503,839,740)	14,450,964,715
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	32,073,587,252	(5,624,250,077)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(85,495,049)	(1,990,021)
	- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,865,105,928)	(2,466,812,339)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(367,702,355)	(1,960,606,609)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	114,578,908	28,001,240,215
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(40,498,352,779)	(21,111,552,395)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16,426,691,462)</b>	<b>11,843,824,485</b>
<b>II.</b>	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(53,548,181)	(1,050,524,317)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80,514,846,138)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80,539,036,679
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6,900,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2,000,000,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	837,168,092	1,443,211,013
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>783,619,911</b>	<b>(4,483,122,763)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**Năm 2009**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu		Mã số	Năm nay	Năm trước
1		2	4	5
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	301,486,242,600	226,105,233,454
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(263,048,332,756)	(228,119,807,073)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,464,205,641)	(7,625,931,700)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>33,973,704,203</b>	<b>(9,640,505,319)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>18,330,632,652</b>	<b>(2,279,803,597)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4,485,432,338</b>	<b>6,765,235,935</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>22,816,064,990</b>	<b>4,485,432,338</b>



# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2009**

## **I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

### **1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Cà phê PETEC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004521 ngày 27 tháng 03 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**2- Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại – Dịch vụ.

### **3- Ngành nghề kinh doanh:**

- Mua bán cà phê, nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và phân bón.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh kho bãi.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Mua bán nhớt, mỡ.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô – đường thủy nội địa.
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.
- Đại lý bảo hiểm.
- Môi giới thương mại.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường thủy nội địa qua biên giới Việt Nam.

*(Doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng những quy định của pháp luật)*

## **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2009 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

## **II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

1- Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

### **1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định số: 15/2006 - TC/QĐ/CĐKT ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3- Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán Công ty áp dụng: Nhật ký chung được thực hiện trên máy vi tính.

## **IV- Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1- Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

#### **- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kỳ.

### **2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

#### **- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### **- Phương pháp tính giá hàng tồn kho:**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

(đơn vị chưa thực hiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

### **3- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### **- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

#### **- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

---

gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<b><u>Loại tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao</u></b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10 năm

#### **4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”

#### **5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số

dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

### **8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành.

### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

<b>01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Tiền mặt</b>	<b>189,291,300</b>	<b>209,352,900</b>
- Văn phòng công ty	185,752,000	201,339,500
- Chi nhánh Di Linh	1,523,700	7,513,400
- CHXD Đức Trọng	501,000	500,000
- CHXD Liên Đầm	1,466,600	-
- Chi nhánh Hải Phòng	48,000	-
<b>- Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>22,626,773,690</b>	<b>4,276,079,438</b>
<b>* Tiền gửi ngân hàng bằng VND</b>	<b>3,355,102,819</b>	<b>3,617,532,153</b>
<b>- Văn phòng công ty</b>	<b>1,708,419,279</b>	<b>1,862,217,110</b>
+ Vietcombank HCM	600,979,887	1,674,623,095
+ Ngân hàng Đông Á - CN Quận 10	991,734,522	179,091,897
+ Ngân hàng NN&PTNT Sài Gòn	378,258	2,647,059
+ Ngân hàng ĐT&PTVN-SGD 2	1,899,204	2,266,134
+ VIB Bank - Quận 6	-	2,558,719
+ Techcombank HCM	74,017,790	1,030,206
+ Eximbank - SGD 1	2,046,309	-
+ Ngân hàng Hàng Hải - PGD Phú Nhuận	28,878,746	-
+ VIB Bank - Quận 5	1,296,153	-
+ Ngân hàng Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	7,188,410	-
<b>- Chi nhánh Di Linh</b>	<b>113,655,231</b>	<b>1,749,344,605</b>
+ Ngân hàng NN&PTNT Di Linh	108,511,101	1,734,667,707
+ Ngân hàng Đông Á - PGD Đà Lạt	2,823,860	14,676,898
+ Ngân hàng Công Thương Di Linh	1,097,694	-
+ Ngân hàng Đông Á - PGD Đức Trọng	1,222,576	-
<b>- Cửa hàng Đức Trọng</b>	<b>2,789,745</b>	<b>5,970,438</b>
+ Ngân hàng NN&PTNT Ninh Gia	1,283,213	4,969,338
+ Ngân hàng NN&PTNT Di Linh	1,506,532	1,001,100
<b>- Cửa hàng Liên Đầm</b>	<b>1,552,680</b>	<b>-</b>
+ Ngân hàng NN&PTNT Di Linh	1,552,680	-
<b>- Chi nhánh Hải Phòng</b>	<b>1,528,685,884</b>	<b>-</b>
+ Ngân hàng Đông Á-PGD Ngô Quyền	4,754,707	-
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Hải Phòng	472,428,176	-
+ Ngân hàng ĐT&PTVN - CN Hải Phòng	1,051,503,001	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

<b>* Tiền gửi ngân hàng bằng USD</b>	<b>19,269,518,313</b>	<b>621,908,085</b>
- <b>Văn phòng công ty</b>	<b>19,269,518,313</b>	<b>621,908,085</b>
+ Vietcombank HCM	5,253,330,942	16,527,279
+ Ngân hàng Đông Á - CN Quận 10	5,995,401,561	219,433,497
+ Ngân hàng NN&PTNT Sài Gòn	5,424,641	5,113,303
+ Ngân hàng ĐT&PTVN-SGD 2	1,617,617,254	221,925,551
+ Techcombank HCM	6,381,012,138	155,757,524
+ Eximbank - SGD 1	8,977,676	-
+ Ngân hàng Hàng Hải - PGD Phú Nhuận	7,644,481	-
+ VIB Bank - Quận 5	8,073	-
+ VIB Bank - Quận 6	-	3,150,931
+ Sacombank - CN Bình Thạnh	59,744	-
+ Ngân hàng Quân Đội - CN Hồ Chí Minh	41,803	-
<b>* Tiền gửi ngân hàng bằng EUR</b>	<b>-</b>	<b>36,639,200</b>
- <b>Văn phòng công ty</b>	<b>-</b>	<b>36,639,200</b>
+ Ngân hàng Đông Á - CN Quận 10	-	36,639,200
<b>* Tiền gửi ngân hàng bằng SGD</b>	<b>2,152,558</b>	<b>-</b>
- <b>Văn phòng công ty</b>	<b>2,152,558</b>	<b>-</b>
+ Techcombank HCM	2,152,558	-
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>22,816,064,990</b>	<b>4,485,432,338</b>

**Ghi chú:** - Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2009.

- Số dư tiền gửi ngân hàng khớp với biên bản đối chiếu của ngân hàng vào ngày 31/12/2009.

**02- CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Văn phòng công ty</b>	<b>41,434,368,744</b>	<b>50,661,808,177</b>
+ ARMAJARO	4,712,658,096	2,903,529,964
+ BERN HARD ROTHFOS (BERO)	2,154,883,642	3,107,166,192
+ ECOM	3,688,992,538	3,796,906,050
+ NOBLE RESOURCES	-	6,938,887,145
+ LOUIS DREYFUS	-	8,652,653,707
+ CARAVELLE IMPEX SRL 1	-	847,091,183
+ OLAM INTERNATIONAL LIMITED	3,474,352,873	2,718,977,919
+ PW VITPOL PRZYGDZKI JOZEF	-	412,609,008
+ AL JARIAH FOODSTUF CO	-	604,058,637
+ ATLANTIC (ATLT)	1,269,389,620	-
+ HACOFKO	1,064,895,949	-
+ ORIENTAL COFFEE&COMODITIES	739,770,223	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

+ M.O CORPORATION	719,869,707	-
+ NINJA FOODSTUFF	995,717,068	-
+ ZHRAT	761,947,094	-
+ HARVEST ENTERPRISES	356,039,145	-
+ SOCIETE SALICO BROTHER SARL	1,072,649,332	-
+ PT SARI MAK MUR	1,275,386,579	-
+ Công ty Kính nổi VIGLACERA	11,995,367,960	14,765,765,254
+ Công ty TNHH TM&VTXD Minh Tấn	-	595,033,000
+ Công ty CP Hồng Hà Long An	-	322,000,000
+ Công ty TNHH VTB Thanh Hải	-	50,000,000
+ Công ty TNHH VTKDXD Nam Hải	-	350,550,000
+ Công ty DT&PT VTB Trãi Thiên	-	1,520,145,000
+ Công ty TNHH HCTM Toàn Phát	252,000,000	276,000,000
+ Công ty CP Hàng Hải Châu Long	-	100,000,000
+ Công ty CP TMDV Tân Phú	2,398,560,324	1,080,365,118
+ Công ty VTB Hoàng Anh	-	304,800,000
+ DNTN Khánh Trân	72,480,000	125,480,000
+ Công ty Hàng hải VINASHIN	-	676,800,000
+ Công ty CP VT Du Lịch Hải Phòng	-	364,000,000
+ Công ty TNHH VTB Lam Kinh	-	148,990,000
+ Công ty CP Cung Ứng Tàu Biển Đà Nẵng	1,174,450,000	-
+ Công ty TNHH XDTM Hoàng Giang Thủy	192,000,000	-
+ Công ty TNHH Thương Mại Phú Lạc	557,360,926	-
+ Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Phú Hải	2,505,597,668	-
<b>- Chi nhánh Di Linh</b>	<b>1,231,477,783</b>	<b>427,630,469</b>
+ Trần Công Đức	4,346,570	15,236,610
+ Công ty TNHH Như Linh	6,700,500	-
+ Công ty CP Tân Việt	-	111,560,000
+ Lê Thị Dung	1,305,900	-
+ Đinh Thị Kim Len	3,858,400	-
+ Nguyễn Long	37,589,040	-
+ Nguyễn Tiến Dũng	11,461,330	-
+ Võ Đình Khiêm	24,601,300	-
+ Công ty TNHHMTV XDVT Hùng Vương	259,431,000	-
+ Công ty CP Đầu Tư Công Nghệ Tuổi Trẻ	19,044,250	-
+ DNTN Tư Vấn Xây Dựng Nam Anh Nghi	5,831,200	-
+ DNTN Xây Dựng Mai Sơn	7,058,100	-
+ DNTN Phúc Hưng	94,788,830	-
+ Công ty TNHH Nhà máy gạch ngói Lâm Viên	47,097,803	8,681,760

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Vật Liệu Xây Dựng Trung Phương	-	38,097,060
+ Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ 78	360,458,340	230,064,159
+ Cơ sở thu mua cà phê Yên Thành	918,540	-
+ VLXD Thiên Lộc	18,740,680	13,869,220
+ Công ty Xây Dựng 470	328,246,000	-
+ Công ty CP Xây Dựng Lũng Lô 2	-	600,000
+ Ngân hàng NN&PTNT Di Linh	-	1,793,160
+ Ngân hàng NN&PTNT Hòa Ninh	-	7,728,500
<b>- Cửa hàng Đức Trọng</b>	<b>1,422,843,140</b>	<b>1,047,214,656</b>
+ DNTN Hiệp Lực	314,356,920	175,428,280
+ Công ty TNHH Như Linh	10,899,870	-
+ Công ty TNHH Nhà máy gạch ngói Lâm Viên	188,803,590	30,000,000
+ Nông trường 78 (học viện Lục Quân)	12,064,700	10,291,178
+ Xí nghiệp Hùng Vương	-	309,281,020
+ Công ty Xây Dựng 470	101,469,440	-
+ Ngô Văn Thơm	117,503,190	6,342,400
+ Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ 78	385,712,600	344,480,480
+ Công ty TNHH MTV XDVT Hùng Vương	5,404,000	-
+ Đinh Thị Kim Len	3,012,750	-
+ Vũ Minh Tân	26,675,320	-
+ Nguyễn Tiến Dũng	7,128,190	-
+ Lê Nguyễn Hải Ưu	7,265,000	-
+ Nguyễn Hữu Hồi	114,866,650	53,271,500
+ Lê Trọng Khải	-	55,186,440
+ Nguyễn Quyết Thắng	2,697,900	43,023,339
+ Trần Tiến Thành	97,457,090	16,145,419
+ Trần Tấn Cường	11,367,900	-
+ Phạm Văn Trung	16,158,030	3,764,600
<b>- Cửa hàng Liên Đàm</b>	<b>507,590,920</b>	<b>-</b>
+ Trần Công Đức	20,092,020	-
+ Công ty CP Tân Việt	326,480,000	-
+ Lê Thị Dung	593,600	-
+ DNTN Quỳnh Phát	4,999,390	-
+ Nguyễn Tiến Dũng	3,413,200	-
+ Công ty CP Đầu Tư Công Nghệ Tuổi Trẻ	39,441,100	-
+ DNTN Tư Vấn Xây Dựng Nam Anh Nghi	32,868,560	-
+ Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ 78	62,854,970	-
+ Cơ sở thu mua cà phê Yên Thành	16,848,080	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hải Phòng	167,812,000	-
+ Công ty TNHH Sơn Trường	167,812,000	-
<b>Cộng</b>	<b>44,764,092,587</b>	<b>52,136,653,302</b>
<b>03- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Văn phòng công ty	20,895,055,545	16,365,005,829
+ DNTN Trực Phát	500,337,000	570,337,000
+ Công ty TNHH Nam Nguyệt	14,662,217,040	6,817,108,886
+ Cơ sở ép dứa Tân Phước Hưng	96,000,000	-
+ HTX VTHH & Xe Du Lịch Quyết Tiến	9,600,000	-
+ Công ty TNHH Nông sản Bắc Hà	-	7,927,559,943
+ Công ty TNHH Thái Gia Sơn	5,601,547,806	1,050,000,000
+ Công ty TNHH Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)	18,000,000	-
+ Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	7,353,699	-
<b>Cộng</b>	<b>20,895,055,545</b>	<b>16,365,005,829</b>
<b>04- CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Văn phòng công ty	3,325,500	-
+ ZHRAT (chi hệ phí đóng dấu chứng từ)	3,325,500	-
<b>Cộng</b>	<b>3,325,500</b>	<b>-</b>
<b>05- HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Giá gốc hàng tồn kho	31,765,603,522	16,261,763,782
+ Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	37,232,290	2,343,556,477
+ Công cụ dụng cụ	129,065,054	498,875,453
+ Thành phẩm tồn kho	2,895,886,700	2,977,598,501
+ Hàng hóa tồn kho	13,181,157,026	10,292,622,478
+ Hàng gửi đi bán (*)	15,522,262,452	149,110,873
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK</b>	<b>31,765,603,522</b>	<b>16,261,763,782</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

**Ghi chú:**

- Số lượng hàng tồn kho cuối kỳ ngày 31/12/2009 đã được kiểm kê đầy đủ.
- (\*): Trị giá hàng hóa đơn vị đang treo trên chỉ tiêu hàng gửi đi bán là của số lượng hàng xuất khẩu đã được chuyển lên tàu tại cảng để vận chuyển đi nước ngoài vào đầu tháng 01/2010. Chi tiết số dư hàng gửi đi bán bao gồm:

Tên Hàng Hóa	Số Lượng (tấn)	Thành Tiền
- Cà phê Robusta R1 S16 XK	126,000	3,196,141,200
- Cà phê Robusta R2,3% S13 XK	294,000	7,756,161,000
- Cà phê Robusta R2,5% S13 XK	107,322	2,595,987,174
- Hạt điều loại WW240	5,670	676,759,860
- Hạt điều loại WW320	10,206	1,297,213,218
<b>Cộng</b>	<b>543,198</b>	<b>15,522,262,452</b>

**06- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Chi nhánh Di Linh</b>	<b>8,873,561</b>	<b>9,712,123</b>
+ Phí bảo hiểm HĐ1A1063/0428/08-HK	-	7,959,850
+ Phí bảo hiểm HĐ1A1061/023/2008-H1	-	1,752,273
+ Phí bảo hiểm HĐ 1A1063/011/09-H1	7,176,591	-
+ Phí bảo hiểm CHXD Di Linh năm 2009-2010	1,696,970	-
<b>- Cửa hàng Đức Trọng</b>	<b>68,269,697</b>	<b>42,513,938</b>
+ Két sắt Epoch	-	800,002
+ Bảo hiểm cháy nổ	-	1,713,936
+ Tiền thuê cửa hàng từ 09/08 - 08/09	-	40,000,000
+ Phí BH hỏa hoạn HĐ1A1063/014/2009-H1	1,589,697	-
+ Tiền thuê cửa hàng từ 09/09 - 08/10	66,680,000	-
<b>- Cửa hàng Liên Đàm</b>	<b>40,577,852</b>	<b>-</b>
+ Tiền thuê cửa hàng	30,000,000	-
+ Két sắt	1,100,003	-
+ Bơm nhớt	272,728	-
+ Phí BH hỏa hoạn	855,000	-
+ Nhà để nhớt mỡ	5,447,081	-
+ Máy phát điện PG 5000E	2,903,040	-
<b>- Chi nhánh Hải Phòng</b>	<b>20,000,000</b>	<b>-</b>
+ Tiền thuê văn phòng	20,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>137,721,110</b>	<b>52,226,061</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

<b>07- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Tạm Ứng</b>	<b>35,739,220</b>	<b>45,640,900</b>
+ Phạm Văn Thế	-	1,000,000
+ Hoàng Thị Cẩm Tú	-	41,183,600
+ Phạm Xuân Khoản	10,000,000	-
+ Nguyễn Quốc Việt	20,000,000	-
+ Hoàng Thị Phương Thảo	1,500,000	1,500,000
+ Lê Tấn Sáu	4,239,220	1,957,300
- <b>Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</b>	<b>373,917,353</b>	<b>530,242,641</b>
+ Ký quỹ mở L/C tại ngân hàng TMCP Đông Á	373,917,353	530,242,641
<b>Cộng</b>	<b>409,656,573</b>	<b>575,883,541</b>

**Ghi chú:** - Số dư các khoản tạm ứng đến ngày 31/12/2009 đã được đối chiếu xác nhận nợ

- Số dư các khoản ký quỹ đến ngày 31/12/2009 đã được đối chiếu xác nhận với ngân hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

**08- TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu		Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>Nguyên giá</b>					
1.	Số dư đầu năm	4,727,743,134	5,036,054,925	1,920,447,105	211,957,626	11,896,202,790
2.	Số tăng trong năm	-	-	-	102,456,713	102,456,713
	- Mua trong năm				102,456,713	102,456,713
	- Tăng do xây dựng mới					-
3.	Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
	- Giảm khác					-
4.	Số dư cuối năm	4,727,743,134	5,036,054,925	1,920,447,105	314,414,339	11,998,659,503
<b>II.</b>	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1.	Số dư đầu năm	1,667,561,628	3,660,224,229	456,839,941	94,133,016	5,878,758,814
2.	Khấu hao trong năm	225,126,756	445,319,639	256,204,949	70,514,533	997,165,877
3.	Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
	- Chuyển sang CCDC					-
4.	Số dư cuối năm	1,892,688,384	4,105,543,868	713,044,890	164,647,549	6,875,924,691
<b>III.</b>	<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>					
1.	Tại ngày đầu năm	3,060,181,506	1,375,830,696	1,463,607,164	117,824,610	6,017,443,976
2.	Tại ngày cuối năm	2,835,054,750	930,511,057	1,207,402,215	149,766,790	5,122,734,812

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

<b>09- ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Cổ phiếu Công ty cổ phần kho bãi PETEC	2,700,000,000	2,700,000,000
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Âu Lạc	3,224,442,400	3,224,442,400
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần PETEC LAND	3,000,000,000	3,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>8,924,442,400</b>	<b>8,924,442,400</b>

<b>10- VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ngân hàng TMCP Đông Á	63,202,900,000	37,330,000,000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	13,300,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>76,502,900,000</b>	<b>37,330,000,000</b>

**Ghi chú:** - Số dư các khoản vay ngắn hạn đến ngày 31/12/2009 đã được đối chiếu xác nhận với ngân hàng

<b>11- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Văn phòng công ty	<b>22,827,798,301</b>	<b>29,755,311,853</b>
+ DNTN Thương mại Hà Bình	-	76,171,600
+ Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên	1,782,181,705	-
+ Công ty TNHH TMDV Nông Sản Bắc Hà	261,253,523	-
+ Công ty TNHH Sông Hồng	4,636,363	4,636,363
+ Công ty TNHH MTV Bảo Phúc Khang	98,982,855	-
+ Công ty TM KT & ĐT PETEC (hàng hóa)	19,681,533,198	24,990,565,731
+ Công ty TNHH TM&VTXD Minh Tấn	94,761,670	-
+ Công ty TNHH Gia Thịnh	-	13,394,890
+ DNTN TM Thái Hà	113,983,280	25,344,000
+ DNTN TM Hoàng Quyển	175,941,710	214,047,410
+ Công ty TNHH Ban Mai	123,187,680	123,737,250
+ XN Tư doanh Hoa Trang	465,336,317	1,290,531,870
+ DNTN Vĩnh Phước	-	2,905,665,014
+ Công ty TNHH TM Hải Vân	-	29,017,725
+ Công ty TNHH Kiểm Toán AASCS	-	30,000,000
+ Công ty TM KT & ĐT PETEC (XDCB)	26,000,000	52,200,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

<b>- Chi nhánh Di Linh</b>	<b>1,424,152,747</b>	<b>2,203,507,489</b>
+ Nguyễn Thị Nhiệm	-	9,456,132
+ Công ty TNHH Vạn Phúc	-	1,500,000
+ Đoàn Văn Nhâm	-	69,286,041
+ Trần Thị Thuận	-	376,441,694
+ Đoàn Thị Thanh Trang	-	14,014,000
+ Hoàng Thị Thu	-	537,377,200
+ Cửa hàng Thanh Liêm	-	354,814,264
+ Nguyễn Thị Hiền Hòa	808,744,600	308,744,600
+ Hoàng Cửu Long	488,926,570	147,450,250
+ Đinh Xuân Hùng	71,268,060	-
+ Trần Thị Áo	21,956,410	-
+ DNTN Xây Dựng Mai Sơn	33,257,107	-
+ Lê Thị Thoa	-	52,704,264
+ Nguyễn Thị Thu Hương	-	151,115,640
+ Đỗ Thị Cam	-	158,230,261
+ Công ty TNHH Nhà máy gạch ngói Lâm Viên	-	10,409,143
+ DNTN Cơ Khí Thiên Phát	-	9,964,000
+ Cơ sở nhôm inox trường Sanh	-	2,000,000
<b>- Cửa hàng Đức Trọng</b>	<b>26,142,857</b>	<b>-</b>
+ Cơ sở Thiết Bị Thanh Tuyền	1,800,000	-
+ DNTN Xây Dựng Mai Sơn	24,342,857	-
<b>- Cửa hàng Liên Đàm</b>	<b>28,114,286</b>	<b>-</b>
+ DNTN Xây Dựng Mai Sơn	28,114,286	-
<b>- Chi nhánh Hải Phòng</b>	<b>865,951,136</b>	<b>-</b>
+ Công ty TM KT & ĐT PETEC tại Hải Phòng	865,951,136	-
<b>Cộng</b>	<b>25,172,159,327</b>	<b>31,958,819,342</b>

**12- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Văn phòng công ty</b>	<b>662,381,231</b>	<b>822,634,899</b>
+ HUNG KYUNG CO.LTD	-	320,541,039
+ CKCO&	99,464,904	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

+ HANIL GENERAL TRADING&CONTRACTING	89,705,000	-
+ Công ty TNHH TMDV Thái Sơn	26,000,000	496,000,000
+ Công ty TNHH Thái Gia Sơn	93,268,059	-
+ Công ty CP Huy Thắng	-	845,860
+ Công ty CPTM&XNK Long An	-	5,248,000
+ CN Công ty CP Phát Triển Hàng Hải Vũng Tàu	169,080,000	-
+ Công ty TNHH SX&TM XNK Tân Định Phong	184,863,268	-
<b>- Chi nhánh Hải Phòng</b>	<b>6,390,806</b>	<b>-</b>
+ Công ty TNHH SX&TM Thanh Huy	364,979	-
+ Cửa hàng tư nhân Thế Sơn	53,713	-
+ Công ty TNHH An Thắng	5,972,114	-
<b>Cộng</b>	<b>668,772,037</b>	<b>822,634,899</b>
<b>13- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4,192,877	6,288,306
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,859,960,835	2,450,614,563
- Thuế thu nhập cá nhân	53,898,000	58,364,000
<b>Cộng</b>	<b>1,918,051,712</b>	<b>2,515,266,869</b>
<b>14- CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán BCTC năm 2009	41,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>41,000,000</b>	<b>-</b>
<b>15- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Kinh phí công đoàn	155,722,593	108,208,671
- Bảo hiểm xã hội	508,560	-
- Phải trả cổ tức	75,945,800	40,289,900
- Phan Tấn Cường (dư có TK 1388)	-	3,934,350
- Vũ Mai Anh Huy (dư có TK 1388)	-	2,536,500
<b>Cộng</b>	<b>232,176,953</b>	<b>154,969,421</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>
A	1	2	3	4	5	6	7
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30,000,000,000</b>	-	-	-	<b>250,083,628</b>	<b>295,006,729</b>	<b>194,728,094</b>
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước							12,007,530,901
Tăng khác					1,665,467,343	600,377,000	
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác							7,846,022,029
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30,000,000,000</b>	-	-	-	<b>1,915,550,971</b>	<b>895,383,729</b>	<b>4,356,236,966</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30,000,000,000</b>	-	-	-	<b>1,915,550,971</b>	<b>895,383,729</b>	<b>4,356,236,966</b>
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay							7,391,786,844
Tăng khác			205,888,449		2,421,383,376	1,353,000,000	
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác			464,741,162				8,525,044,168
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30,000,000,000</b>	-	<b>(258,852,713)</b>	-	<b>4,336,934,347</b>	<b>2,248,383,729</b>	<b>3,222,979,642</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

<b>b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Công ty Thương mại kỹ thuật & Đầu tư PETEC	58.75%	17,623,660,000	17,623,660,000
- Công ty Thương nghiệp Cà Mau	1.46%	438,000,000	438,000,000
- Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Cần Giờ	1.46%	438,000,000	438,000,000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	4.87%	1,460,000,000	1,460,000,000
- Công ty Cổ phần Âu Lạc	2.43%	730,000,000	730,000,000
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	1.46%	438,000,000	438,000,000
- Công ty Cổ phần vật tư xăng dầu COMECO	1.46%	438,000,000	438,000,000
- Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	1.22%	365,000,000	365,000,000
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0.97%	292,000,000	292,000,000
- Công ty Cổ phần vật tư xăng dầu Bình Thuận	0.97%	292,000,000	292,000,000
- Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	0.97%	292,000,000	292,000,000
- Công ty CP Giám định cà phê và hàng hóa XNK	0.49%	146,000,000	146,000,000
- Công ty Cổ phần trừ mối - Khử trùng	0.24%	73,000,000	73,000,000
- Các cổ đông khác	23.25%	6,974,340,000	6,974,340,000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>	<b>30,000,000,000</b>	<b>30,000,000,000</b>

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30,000,000,000	30,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30,000,000,000	30,000,000,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	4,464,344,100	7,625,931,700

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3,000,000	3,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	3,000,000	3,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,000,000	3,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	3,000,000	3,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu)*

<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	4,336,934,347	1,915,550,971
- Quỹ dự phòng tài chính	2,248,383,729	895,383,729
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,788,369,573	1,385,459,673
<b>Cộng</b>	<b>8,373,687,649</b>	<b>4,196,394,373</b>

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>17- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	1,044,457,951,793	987,066,599,758
<b>Cộng</b>	<b>1,044,457,951,793</b>	<b>987,066,599,758</b>

<b>18- CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>19- DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CCDV</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thuận hàng bán trong kỳ	1,044,457,951,793	987,066,599,758
<b>Cộng</b>	<b>1,044,457,951,793</b>	<b>987,066,599,758</b>

<b>20- GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,038,252,842,218	966,014,360,387
<b>Cộng</b>	<b>1,038,252,842,218</b>	<b>966,014,360,387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

<b>21- DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi	312,310,092	580,791,513
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	524,858,000	862,419,500
- Lãi chênh lệch tỷ giá	30,355,661,125	16,834,817,521
<b>Cộng</b>	<b>31,192,829,217</b>	<b>18,278,028,534</b>
<b>22- CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi vay ngắn hạn	1,865,105,928	2,470,330,739
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	9,010,376,532	8,332,601,269
<b>Cộng</b>	<b>10,875,482,460</b>	<b>10,802,932,008</b>
<b>23- THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thu phí chuyển nhượng cổ phần + Hoa hồng bán hàng	19,459,367	75,757,632
- Thu nhập từ hoạt động mua bán cà phê trên sàn giao dịch	1,873,302,260	589,203,760
- Lãi tiền ứng trước cho người bán	5,940,000	-
- Nhập hàng khuyến mãi	343,561	-
<b>Cộng</b>	<b>1,899,045,188</b>	<b>664,961,392</b>
<b>24- CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí từ hoạt động mua bán cà phê trên sàn giao dịch	1,749,297,901	703,957,860
- Chênh lệch thiếu khi kiểm kê	35,937	-
- Phạt nộp chậm thuế thu nhập doanh nghiệp	3,367,191	-
- Chi phí khác	-	3,839,202
<b>Cộng</b>	<b>1,752,701,029</b>	<b>707,797,062</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

<b>25- Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,251,747,679	16,341,740,890
- Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(498,990,809)	-
+ Các khoản điều chỉnh Tăng	25,867,191	-
* Phạt vi phạm về thuế	25,867,191	-
+ Các khoản điều chỉnh Giảm	(524,858,000)	-
* Cổ tức được chia	(524,858,000)	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	8,752,756,870	16,341,740,890
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,859,960,835	4,334,209,989
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,391,786,844	12,007,530,901
 <b>26- Phân phối lợi nhuận trong năm 2009</b>		
- Lợi nhuận năm 2008 chuyển sang	<b>4,356,236,966</b>	
- Lợi nhuận năm 2008 được phân phối	<b>1,500,000,000</b>	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	1,000,000,000	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	500,000,000	
- <b>Lợi nhuận năm 2008 còn lại (1)</b>	<b><u>2,856,236,966</u></b>	
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2009	<b>7,391,786,844</b>	
- Lợi nhuận năm 2009 được phân phối	<b>7,025,044,168</b>	
+ Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	338,471,168	
+ Trích thù lao HĐQT	378,573,000	
+ Tạm ứng cổ tức (chuyển sang TK 3388)	4,500,000,000	
+ Trích trích quỹ dự phòng tài chính (*)	353,000,000	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1,455,000,000	
- <b>Lợi nhuận năm 2009 còn lại (2)</b>	<b><u>366,742,676</u></b>	
<b>Tổng lợi nhuận còn lại đến ngày 31/12/2009 (1 + 2)</b>	<b><u>3,222,979,642</u></b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: 194 Nam kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

---

### Ghi chú:

- (\*): Việc thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2009, các quỹ của Công ty đang tạm phân phối, các quỹ này sẽ được điều chỉnh lại khi có Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

### **27- Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu của năm tài chính 2008 kết thúc ngày 31/12/2008, đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCs).

*TP. HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2010*

**Giám đốc Công ty**

(Đã ký)